

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 141/2024/HS-PT
Ngày 14 - 8 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Công Bình;

Các Thẩm phán: Ông Trịnh Văn Toàn;

Ông Y Phi Kbuôr.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Khắc Anh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Ngọc Châu - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 132/2024/TLPT-HS ngày 01/7/2024 đối với bị cáo Nguyễn Văn H và 02 bị cáo khác về tội “Chế tạo, tàng trữ, mua bán trái phép vũ khí quân dụng”, do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 06/2024/HS-ST ngày 15/5/2024 của Tòa án nhân dân huyện M’Đrăk, tỉnh Đắk Lắk.

Các bị cáo có kháng cáo:

1. Nguyễn Văn H, sinh năm 1999 tại tỉnh Đắk Lắk; nơi cư trú: Thôn A, xã K, huyện M, tỉnh Đắk Lắk; trình độ học vấn: 5/12; nghề nghiệp: Làm nông; giới tính: Nam; dân tộc: Tày; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn Đ và bà Hoàng Thị D; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không có. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện đang tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

2. Trần Thành T, sinh năm 1985 tại tỉnh Đắk Nông; nơi cư trú: Thôn Đ, xã T, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông; trình độ học vấn: 8/12; nghề nghiệp: Làm nông; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trần Quang L và bà Nguyễn Thị T; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không có; về nhân thân: Ngày 10/01/2020, bị Hạt kiểm lâm huyện Đ, tỉnh Đắk Nông xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền (phạt 10.000.000 đồng) về hành vi buôn bán lâm sản trái pháp luật. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện đang tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

3. Hoàng Văn S, sinh năm 1995 tại tỉnh Lạng Sơn; nơi cư trú: thôn Y, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; trình độ học vấn: 0/12; nghề nghiệp: Làm nông; giới tính: Nam; dân tộc: Tày; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Văn C (đã chết) và bà Nông Thị U; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không có. Bị

cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện đang tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

- *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn H:* Bà Nguyễn Thị X - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Đ, có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Hoàng Văn S:* Ông Nguyễn Đình Đ - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Đ, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng đầu năm 2023 Nguyễn Văn H truy cập vào kênh Youtube để tìm hiểu về cách chế tạo, mua bán súng tự chế. Sau khi tìm hiểu, H tạo tài khoản Zalo tên “Nguyễn H” đăng ký bằng số điện thoại 0355.721.1xx để làm kênh liên lạc và đăng ký kênh Youtube có tên “Vlog núi rừng” đăng tải các video clip về súng và các linh kiện súng. Sau đó, H lên mạng đặt mua các linh kiện (nòng súng, ống giảm thanh...), đồng thời mua các vật liệu (như giăm xóc xe máy, lò xo) và các công cụ máy mài, máy cắt, máy khoan để phục vụ việc chế tạo súng. Sau khi chế tạo và lắp ráp thành một khẩu súng hoàn chỉnh, H đã đăng tải các video clip liên quan đến súng, linh kiện chế tạo được lên kênh Youtube của H, có tên “Vlog rừng xanh”, tên là “vùng cao núi rừng” để quảng cáo rao bán súng. H sử dụng tài khoản số 10023319xx mang tên Nguyễn Văn H mở tại Ngân hàng quân đội (MB) - Chi nhánh Đắk Lắk để giao dịch chuyển, nhận tiền; thông qua dịch vụ giao hàng Viettel Post hoặc dịch vụ vận tải hành khách, hàng hóa để giao nhận súng, linh kiện. Để tránh sự phát hiện của lực lượng chức năng, trong các giao dịch mua bán súng, linh kiện giữa Nguyễn Văn H và các đối tượng khác, thường chỉ đề cập nội dung là mua bán ống pô xe máy và một số hàng hóa H pháp khác. Từ khi bắt đầu chế tạo súng, các bộ phận của súng thể thao, thông qua mạng xã hội H đã bán các bộ phận của súng thể thao cho nhiều người mua ở các tỉnh như Bình Định, Sơn La, Kon Tum, Ninh Thuận, Lâm Đồng... Trong đó, H đã bán các bộ phận của súng và 01 khẩu súng hoàn chỉnh cho 02 đối tượng, cụ thể:

Vào khoảng đầu năm 2023, Hoàng Văn S sử dụng số điện thoại 03956811xx gọi vào số 0355.721.1xx trên kênh Youtube của H để hỏi mua các linh kiện súng. S đặt mua của H 01 bộ quy lát để làm súng săn, H bán cho S với giá 1.500.000 đồng. Đến khoảng tháng 4/2023, S đến nhà H để lấy bộ quy lát và thanh toán cho H số tiền 1.500.000 đồng như đã thỏa thuận. Khi gặp, S tiếp tục nhờ H đặt mua cho S 01 ống giảm thanh và 01 nòng súng, mỗi linh kiện với giá 600.000 đồng. Ba ngày sau, S đến nhà H để lấy 01 nòng súng, 01 ống giảm thanh và đưa cho H số tiền 1.200.000 đồng như đã thỏa thuận. Sau khi mua đủ linh kiện, S dùng gỗ ở nhà tự làm thành báng súng rồi lắp ráp các bộ phận lại thành 01 khẩu súng hoàn chỉnh. Do quá trình lắp ráp ống giảm thanh với nòng súng bị lỗi nên ngày 13/8/2023, S đem khẩu súng trên đến nhà H để nhờ sửa giúp (Cơ quan điều tra đã thu giữ tại nhà của H).

Vào đầu tháng 7/2023, Trần Thành T sử dụng tài khoản Zalo tên “T Trần” để kết bạn với tài khoản Zalo “Nguyễn H”. Sau đó, T đặt mua của H các bộ phận súng để về tự lắp ráp, H đồng ý bán cho T các bộ phận đầy đủ để lắp ráp thành 01 khẩu súng hoàn chỉnh với giá 10.500.000 đồng. Cả hai thống nhất giá cả, cung cấp địa chỉ

nhận hàng và cách thức thanh toán tiền. Thông qua dịch vụ Viettel Post H gửi các linh kiện súng cho T gồm: 01 báng súng, 01 hộp khóa nòng và 01 đèn lazer cho T. 01 ống giảm thanh còn lại cho T thì H đồng ý và yêu cầu T chuyển khoản số tiền còn lại để H chuyển cho T qua đường xe khách. Sau khi nhận đủ các linh kiện, T tự lắp ráp thành 01 khẩu súng hoàn chỉnh nhưng không sử dụng, cho đến khi được Công an huyện M'Đrăk yêu cầu lên làm việc thì T tự nguyện giao nộp lại khẩu súng trên cho Cơ quan Công an.

Cùng vào thời gian tháng 7/2023, Y K Byă đặt mua 01 hộp quy lát và 01 nòng súng thể thao của H thì H đồng ý bán với giá 3.200.000 đồng. Sau khi thống nhất giá cả và đặt cọc, H đã gửi cho Y K Byă 01 hộp quy lát và 01 nòng súng thể thao và nhận tiền của Y K qua dịch vụ Viettel post. Sau khi mua được các bộ phận của súng nêu trên Y K nhờ Y Bun K làm báng súng cho cụm bộ phận súng (gồm quy lát, búa đập gắn kim hỏa và lò xo, nòng súng), thì Y Bun K đồng ý thực hiện theo đề nghị của Y K và đem cụm bộ phận súng nói trên cất giấu tại nơi ở. Khi làm việc với Công an huyện M'Đrăk thì Y Bun K tự nguyện giao nộp toàn bộ các bộ phận súng nêu trên cho Cơ quan Công an.

Ngày 18/12/2023, Cơ quan an ninh điều tra Công an tỉnh Đắk Lắk đã ra Quyết định trưng cầu giám định đối với 02 khẩu súng tự chế Nguyễn Văn H đã bán cho các đối tượng Hoàng Văn S, Trần Thành T và 01 cụm bộ phận súng mà H đã bán cho Y K Byă. Ngày 19/12/2023, Phân viện Khoa học hình sự Bộ Công an có Kết luận giám định số 2600/KTHS, kết luận:

- 02 (hai) khẩu súng được gửi giám định là súng tự chế tạo, không theo tiêu chuẩn kỹ thuật, thiết kế của nhà sản xuất H pháp, có khả năng gây sát thương, nguy hại cho tính mạng, sức khỏe của con người, phá hủy kết cấu vật chất. Hiện tại, 02 (hai) khẩu súng sử dụng bắn được và thuộc vũ khí quân dụng. Không phát hiện thấy ký tự đóng chìm trên 02 khẩu súng.

- 01 (một) cụm bộ phận súng gửi giám định là súng tự chế có các bộ phận: quy lát, nòng, cò, kim hỏa, khóa nòng; hiện tại không sử dụng bắn được do lực đập kim hỏa yếu nên không phải là vũ khí.

Trong vụ án này, đối với Y K Byă là người đã mua 01 cụm bộ phận súng của bị cáo Nguyễn Văn H, nhằm mục đích để săn bắn. Tuy nhiên kết quả giám định đối với cụm bộ phận súng nói trên không phải là vũ khí, công cụ hỗ trợ hay đồ chơi nguy hiểm bị cấm, nên không có căn cứ để xử lý đối với Y K Byă.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 06/2024/HS-ST ngày 15/5/2024 của Tòa án nhân dân huyện M'Đrăk, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn H phạm tội “Chế tạo, tàng trữ, mua bán trái phép vũ khí quân dụng”; bị cáo Trần Thành T và bị cáo Hoàng Văn S phạm tội “Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng”.

- Căn cứ khoản 1 Điều 304, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H 02 năm 03 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

- Căn cứ khoản 1 Điều 304; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Trần Thành T 01 năm 03 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

- Căn cứ khoản 1 Điều 304; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Hoàng Văn S 01 năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí và tuyên quyền kháng theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 27/5/2024, các bị cáo Nguyễn Văn H, Trần Thành T và Hoàng Văn S có đơn kháng cáo, với nội dung: Xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo.

Tại phiên toà phúc thẩm, các bị cáo Nguyễn Văn H, Trần Thành T và Hoàng Văn S giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và đều đã khai nhận toàn bộ hành vi mà các bị cáo đã thực hiện đúng như nội dung vụ án đã được tóm tắt nêu trên.

Quá trình tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã phân tích đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo và khẳng định Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Nguyễn Văn H về tội “Chế tạo, tàng trữ, mua bán trái phép vũ khí quân dụng” và các bị cáo Trần Thành T, Hoàng Văn S về tội “Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng” theo khoản 1 Điều 304 Bộ luật hình sự, là có căn cứ và đúng người, đúng tội. Trước ngày mở phiên tòa phúc thẩm, bị cáo H có cung cấp biên lai đã nộp số tiền thu lợi bất chính là 16.400.000 đồng; bị cáo T cung cấp giấy chứng nhận về việc tham gia tích cực công tác xã hội tại địa phương và đơn xác nhận hoàn cảnh gia đình khó khăn, là những tình tiết giảm nhẹ mới theo khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Tuy nhiên, về mức hình phạt mà bản án sơ thẩm đã xử phạt đối với bị cáo H là 02 năm 03 tháng tù đối với bị cáo T 01 năm 03 tháng tù và bị cáo S 01 năm tù, là đã tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo và cần thiết phải cách ly các bị cáo với xã hội để đảm bảo việc cải tạo, giáo dục các bị cáo. Do đó, kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo của các bị cáo là không có cơ sở chấp nhận. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 của Bộ luật tố tụng hình sự: Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm về mức hình phạt đối với các bị cáo Nguyễn Văn H, Trần Thành T và Hoàng Văn S; các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Người bào chữa cho các bị cáo Nguyễn Văn H trình bày quan điểm bào chữa, với nội dung: Không có ý kiến gì về tội danh mà Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo, tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án bị cáo H đã tích cực hợp tác với cơ quan điều tra để điều tra làm rõ hành vi các bị cáo khác trong vụ án, là tình tiết giảm nhẹ theo điểm t khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự, nhưng bản án sơ thẩm không áp dụng đối với bị cáo là thiếu sót; đồng thời sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo H đã nộp lại khoản tiền thu lợi bất chính, là tình tiết giảm nhẹ mới theo khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Xét thấy, bị cáo là người đồng bào dân tộc thiểu số nên nhận thức pháp luật còn hạn chế, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, phạm tội lần đầu và có nhân thân tốt. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ một phần hình phạt và cho các bị cáo được hưởng án treo.

Người bào chữa cho các bị cáo Hoàng Văn S trình bày quan điểm bào chữa, với nội dung: Không có ý kiến gì về tội danh mà Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo

Hoàng Văn S, tuy nhiên bị cáo là người đồng bào dân tộc thiểu số nên phạm tội do nhận thức pháp luật còn hạn chế, bị cáo phạm tội lần đầu, có nhiều tình tiết giảm nhẹ và có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1, khoản 2 Điều 65 của Bộ luật hình sự, cho bị cáo S được hưởng án treo cũng đảm bảo được việc cải tạo, giáo dục bị cáo.

Các bị cáo Nguyễn Văn H và Hoàng Văn S đồng ý với quan điểm bào chữa của người bào chữa và không bổ sung gì thêm. Bị cáo Trần Thành T không có ý kiến gì tham gia tranh luận, mà chỉ đề nghị Hội đồng xét xử giảm hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

Qua tranh luận, đối đáp, đại diện Viện kiểm sát, người bào chữa cho bị cáo và các bị cáo vẫn giữ nguyên ý kiến như đã trình bày trên. Các bị cáo nói lời sau cùng và đều đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho các bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai của các bị cáo Nguyễn Văn H, Trần Thành T và Hoàng Văn S tại phiên tòa phúc thẩm là phù H với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, cũng như lời khai tại phiên tòa sơ thẩm và phù H với các tài liệu, chứng cứ khác đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có đủ cơ sở để kết luận: Vào khoảng đầu năm 2023, bị cáo Nguyễn Văn H đã sử dụng điện thoại và tài khoản mạng xã hội Facebook để liên hệ đặt mua các bộ phận của súng, linh kiện và đưa về cất giữ tại nơi ở của mình, phục vụ cho việc chế tạo thành vũ khí, rồi bán lại cho người khác nhằm thu lợi bất chính. Đến khoảng tháng 7 năm 2023, bị cáo Nguyễn Văn H đã bán cho bị cáo Hoàng Văn S các bộ phận của súng với số tiền là 2.700.000 đồng, bán cho bị cáo Trần Thành T các bộ phận lắp ráp thành khẩu súng hoàn chỉnh thu được số tiền 10.500.000 đồng và bán cho Y K Byã các bộ phận của súng thu được số tiền 3.200.000 đồng. Theo kết quả giám định đã kết luận cả 02 khẩu súng tự chế của Nguyễn Văn H đã bán cho Hoàng Văn S và Trần Thành T thuộc vũ khí quân dụng. Do đó, bản án sơ thẩm đã xét xử bị cáo Nguyễn Văn H về tội “Chế tạo, tàng trữ, mua bán trái phép vũ khí quân dụng” quy định tại khoản 1 Điều 304 của Bộ luật hình sự và xét xử các bị cáo Trần Thành T và Hoàng Văn S về tội “Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng” theo quy định tại khoản 1 Điều 304 của Bộ luật hình sự, là có căn cứ và đúng người, đúng tội.

[2] Đối với kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Văn H, Hoàng Văn S và Nguyễn Thành T, Hội đồng xét xử thấy: Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã vi phạm các quy định của Nhà nước về chế tạo, tàng trữ, vận chuyển, sử dụng, mua bán và quản lý vũ khí quân dụng, phương tiện kỹ thuật quân sự, đồng thời tiềm ẩn nguy cơ gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an của xã hội, gây hoang mang, lo lắng trong nhân dân. Do đó cần thiết phải áp dụng hình phạt tù, cách ly các bị cáo với xã hội một thời gian nhất định để đảm bảo việc cải tạo, giáo dục bị cáo và để đảm bảo tác dụng răn đe, phòng ngừa chung trong xã hội, nên kháng cáo của các bị cáo xin được hưởng án treo là không có cơ sở chấp nhận.

Đối với bị cáo Nguyễn Văn H: Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo có cung cấp Biên lai thể hiện đã nộp lại khoản tiền thu lợi bất chính 16.400.000 đồng, là tình tiết giảm nhẹ mới theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Tuy nhiên, mức hình phạt 02 năm 03 tháng tù mà bản án sơ thẩm đã xử phạt đối với bị cáo là thỏa đáng và tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện; đồng thời, bị cáo đã 02 lần bán vũ khí quân dụng cho Hoàng Văn S và bị cáo Trần Thành T nhưng bản án sơ thẩm không áp dụng tình tiết tăng nặng “Phạm tội 02 lần trở lên” theo điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo, là thiếu sót nên Tòa án cấp phúc thẩm cần áp dụng bổ sung cho đúng quy định của pháp luật và Tòa án cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm; Đối với bị cáo Trần Thành T: Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo có cung cấp giấy chứng nhận về việc tham gia tích cực công tác xã hội tại địa phương và đơn xác nhận hoàn cảnh gia đình khó khăn, cha đẻ bị bệnh tâm thần, là tình tiết giảm nhẹ mới theo khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Tuy nhiên, về mức hình phạt 01 năm 03 tháng tù mà bản án sơ thẩm đã xử phạt đối với bị cáo là đã tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo; Đối với bị cáo Hoàng Văn S: Về mức hình phạt Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt đối với bị cáo Hoàng Văn S là 01 năm tù, là ở mức hình phạt khởi điểm của khung hình phạt áp dụng và phù hợp với hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện. Tòa án cấp sơ thẩm cũng đã xem xét, áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo, nên kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Văn H, Trần Thành T và Hoàng Văn S, Hội đồng xét xử cần giữ nguyên bản án sơ thẩm về hình phạt là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về án phí phúc thẩm: Do đó kháng cáo không được chấp nhận, nên các bị cáo Nguyễn Văn H, Hoàng Văn S và Trần Thành T phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên bị cáo Nguyễn Văn H và bị cáo Hoàng Văn S là người dân tộc thiểu số, S sống ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn và thuộc diện hộ nghèo, nên được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Các quyết định của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét và đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Văn H, Hoàng Văn S và Nguyễn Thành T; giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 06/2024/HS-ST ngày 15/5/2024 của Tòa án nhân dân huyện M’Đrăk, tỉnh Đắk Lắk về hình phạt đối với các bị cáo.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn H phạm tội “Chế tạo, tàng trữ, mua bán trái phép vũ khí quân dụng”; bị cáo Trần Thành T và bị cáo Hoàng Văn S phạm tội “Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng”.

[2] Về mức hình phạt:

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 304; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

[2.1] Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn H 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày đi thi hành án.

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 304; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[2.2] Xử phạt: Bị cáo Trần Thành T 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày đi thi hành án.

[2.3] Xử phạt: Bị cáo Hoàng Văn S 01 (một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày đi thi hành án.

[3] Về án phí: Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Trần Thành T phải chịu 200.000 đồng phí hình sự phúc thẩm.

Bị cáo Nguyễn Văn H và bị cáo Hoàng Văn S được miễn án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao (Vụ 1);
- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk (02 bản);
- Phòng HSNV Công an tỉnh Đắk Lắk;
- VP CQCSĐT Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Đ;
- Sở Tư pháp tỉnh Đ;
- TAND huyện M'Đrắk;
- VKSND huyện M'Đrắk;
- Công an huyện M'Đrắk;
- Chi cục THADS huyện M;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trương Công Bình